

PHÂN TÍCH NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

● TRẦN THỊ LỆ THU

TÓM TẮT:

Mặc dù doanh nghiệp tư nhân được coi là một loại hình doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân, nhưng người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân lại được quy định chung giống các loại hình doanh nghiệp khác có tư cách pháp nhân theo Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020. Bài viết tập trung nghiên cứu và phân tích những bất cập trong các nội dung liên quan đến chế định người đại diện của doanh nghiệp tư nhân theo quy định pháp luật hiện hành.

Từ khoá: doanh nghiệp tư nhân, người đại diện của doanh nghiệp tư nhân.

1. Định nghĩa doanh nghiệp tư nhân

Khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 định nghĩa “Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh”. Theo đó, dễ nhận thấy doanh nghiệp có 2 đặc tính cơ bản: tổ chức và mục đích kinh doanh sinh lời. Cần lưu ý là từ “tổ chức” không được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp 2020. Do vậy từ đó có thể hiểu theo nghĩa phổ thông, tổ chức là “tập hợp người được tổ chức lại, hoạt động vì những quyền lợi chung, nhằm một mục đích chung”¹. Theo Điều 2 Luật Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 1990 quy định: DNTN là đơn vị kinh doanh có mức vốn không thấp hơn vốn pháp định, do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Tiếp đó, Điều 99 Luật Doanh nghiệp 1999, Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2005, Điều 183 Luật

Doanh nghiệp 2014 và Điều 188 Luật Doanh nghiệp 2020 đều quy định: “DNTN là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp”. Như vậy, từ Luật Doanh nghiệp 1999 về sau đã bỏ quy định về nguồn vốn tối thiểu của DNTN.

Định nghĩa trên cho thấy bản thân “DNTN không phải là một thực thể độc lập” mà chủ DNTN mới là chủ thể của pháp luật và “DNTN là một tập hợp tài sản mở rộng của cá nhân sở hữu nó”. Bởi vậy để tránh nhầm lẫn GS.Ngô Huy Cường từng đề xuất nên đổi tên DNTN thành “doanh nghiệp cá thể” hay “thương nhân thể nhân” hay “thương nhân đơn lẻ”². PGS. Phạm Duy Nghĩa lưu ý rằng: “Luật Thương mại không dùng khái niệm doanh nghiệp. Nếu có trở thành thương nhân theo Luật Thương mại, thì chủ DNTN với tư cách cá nhân là thương nhân, chứ không phải DNTN với tư cách là một đơn vị kinh doanh.”³

Như vậy, ở đây có thể hiểu DNTN và cá nhân chủ DNTN là một, tài sản của DNTN chính là tài sản của chủ DNTN. Và nếu áp dụng theo Khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 định nghĩa “*Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh*” thì rõ ràng định nghĩa về DNTN được quy định tại Điều 188 Luật Doanh nghiệp 2020 là chưa hợp lý.

Vì vậy, theo tác giả, nên định nghĩa DNTN là cá nhân kinh doanh tự làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DNTN.

2. Chế định đại diện trong Luật Dân sự Việt Nam

Ở Việt Nam, Pháp lệnh Hợp đồng dân sự 1991 lần đầu tiên đề cập đến khái niệm người đại diện, đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền. Cá nhân, pháp nhân có thể giao kết hợp đồng thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền, các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng do người đại diện giao kết đúng thẩm quyền. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân là người đứng đầu pháp nhân và chỉ được giao kết hợp đồng trong phạm vi thẩm quyền đại diện do pháp luật hoặc điều lệ của pháp nhân quy định. Người đại diện theo pháp luật của người dưới mười tám tuổi, của người mất trí là cha, mẹ hoặc người đỡ đầu và được toàn quyền giao kết hợp đồng dân sự vì lợi ích của người được đại diện. Người được ủy quyền chỉ được giao kết hợp đồng dân sự trong phạm vi ủy quyền mà người ủy quyền và người được ủy quyền đã thỏa thuận. Việc ủy quyền phải được thông báo cho bên cùng giao kết hợp đồng.

Sau đó, chế định người đại diện mới được đưa vào quy định trong Bộ luật Dân sự 1995 và kéo dài cho đến ngày nay. Đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của pháp nhân nhân danh pháp nhân trong quan hệ dân sự.

Hiện nay, Khoản 1 Điều 134 BLDS 2015 quy định: “*Đại diện là việc cá nhân, pháp nhân nhân danh và vì lợi ích của cá nhân hoặc pháp nhân khác*

xác lập, thực hiện giao dịch dân sự”. Theo Điều 21,22 BLDS 2015, người đại diện theo pháp luật của cá nhân chỉ tồn tại trong trường hợp cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và nhóm đối tượng này đương nhiên sẽ không thể có người đại diện theo ủy quyền. Ngược lại, đối với cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì theo quy định chỉ có người đại diện theo ủy quyền chứ không có đại diện theo pháp luật. Trong khi đó, Điều 85 Bộ luật Dân sự 2015 quy định, đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền.

Tuy nhiên, đối với DNTN, các nước Phương Tây gọi là Sole Trader hoặc Sole Proprietorship và coi đây như một chủ thể độc lập - một thể nhân, tức là sẽ giống với cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, vì vậy DNTN cũng chỉ có người đại diện theo ủy quyền chứ không có người đại diện theo pháp luật. Chính vì vậy, quy định về người đại diện theo pháp luật của DNTN hiện nay là một vấn đề cần phải được làm rõ.

3. Chế định đại diện trong Luật Doanh nghiệp

Ở Việt Nam, Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế 1989 chỉ có khái niệm đại diện hợp pháp của pháp nhân chứ hoàn toàn không có khái niệm đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nói chung và DNTN nói riêng.

Sau đó, Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990 và Luật Công ty 1990 cũng không có điều khoản nào đề cập đến người đại diện theo pháp luật của DNTN và công ty.

Tuy nhiên, kể từ Luật Doanh nghiệp 1999 trở về sau này, quy định về đại diện và người đại diện theo pháp luật đã bắt đầu xuất hiện nhưng được quy định rải rác ở các Điều 41,85,101. Tương tự, Luật Doanh nghiệp cũng không đưa ra khái niệm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, mà quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nằm rải rác ở các điều luật quy định về cơ cấu tổ chức, quản lý của các loại hình doanh nghiệp như Điều 67,74,116,137,143.

Đến Luật Doanh nghiệp 2014 đã thể hiện bước tiến khi có một điều khoản dành riêng để quy định về người đại diện theo pháp luật. Theo đó, khoản 1

Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: *“Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”*. Với quy định này, Luật Doanh nghiệp 2014 đã ghi nhận chức năng đại diện theo pháp luật trong tổ tụng của người đại diện theo pháp luật được quy định từ Điều 85 đến Điều 90 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên, khái niệm trên chỉ mới đề cập đến việc “thực hiện” giao dịch nhân danh doanh nghiệp mà chưa đề cập đến chức năng “xác lập” giao dịch nhân danh doanh nghiệp - vốn là một trong các quyền hạn then chốt của chế định người đại diện theo pháp luật. Mặc dù, khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2014 có thêm quy định mở, đó là người đại diện theo pháp luật được thực hiện *“các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”*, tức là được thực hiện quyền xác lập giao dịch, song việc không quy định cụ thể quyền hạn này trong văn bản luật chuyên ngành cũng là một hạn chế⁴.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Dân sự 2015 thì người đại diện là người nhân danh và vì lợi ích của người được đại diện xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Chính vì vậy, vai trò “xác lập” giao dịch dân sự là một trong những vai trò không thể thiếu trong việc xác định ai là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Theo Luật Doanh nghiệp 2020, vấn đề đại diện của doanh nghiệp được quy định từ Điều 12 đến Điều 15 của Luật Doanh nghiệp. Khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020 có đưa ra khái niệm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như sau: *“Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”*. Như vậy định nghĩa này về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

hoàn toàn giống so với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, theo đó có thể hiểu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là người thay mặt doanh nghiệp thực hiện các quan hệ pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Pháp luật có đặt ra yêu cầu đối với người đại diện theo pháp luật trong doanh nghiệp: Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Nếu hết thời hạn ủy quyền mà người này chưa trở về Việt Nam và không thực hiện ủy quyền khác thì sẽ xử lý theo hai cách được liệt kê tại khoản 4 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020.

Nếu người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không thực hiện ủy quyền hoặc thuộc các trường hợp đặc biệt không thể đại diện cho doanh nghiệp theo khoản 5 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020 thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

Những quy định này cho thấy, hiện nay, Luật Doanh nghiệp 2020 đang đồng nhất những quy định về quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của DNTN giống với người đại diện theo pháp luật của các loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân khác.

4. Những bất cập trong quy định về người đại diện của doanh nghiệp tư nhân và một số kiến nghị

4.1. Về khái niệm người đại diện của doanh nghiệp tư nhân

Pháp luật doanh nghiệp Việt Nam chưa đưa ra định nghĩa về người đại diện của doanh nghiệp mà chỉ đề cập đến người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Vì thế, những quy định về đại diện của pháp nhân theo Khoản 1 Điều 134 BLDS 2015 đang được áp dụng chung cho các loại hình doanh

nghiệp, đối với pháp nhân, đại diện của pháp nhân là người nhân danh pháp nhân để tham gia các giao dịch vì lợi ích của pháp nhân đó. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam cũng chưa đưa ra định nghĩa cụ thể về pháp nhân mà chỉ xác định những điều kiện để trở thành pháp nhân theo Điều 74 BLDS 2015.

Còn đối với hệ thống thông luật từ lâu với truyền thống không có sự phân định giữa pháp luật dân sự với pháp luật thương mại, do đó không có đại diện trong lĩnh vực dân sự và đại diện cho thương nhân như pháp luật Việt Nam.

Luật Doanh nghiệp Úc quy định: “Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân do doanh nghiệp chỉ định để thực hiện tất cả hoặc bất kỳ quyền hạn nào mà doanh nghiệp có thể thực hiện” (Điều 250D Luật Doanh nghiệp Úc 2001)⁵.

Pháp luật Nhật Bản tiếp cận người đại diện theo pháp luật thông qua chức năng quản lý, đó là: “Người quản lý có quyền thực hiện bất kỳ và tất cả các hành vi pháp lý và phi tư pháp nhân danh công ty liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình” (Điều 11.1 Luật Công ty Nhật Bản năm 2005)⁶.

Riêng đối với Luật Công ty TNHH của Đức không đưa ra khái niệm một cách rõ ràng, mà theo hướng khẳng định: “Công ty sẽ do các Giám đốc làm đại diện. Nếu một công ty không có Giám đốc, công ty sẽ được đại diện bởi các cổ đông bất cứ khi nào có tuyên bố ý định hoặc các tài liệu được cung cấp trên đó” (Điều 35.2 Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức 2016)⁷. Như vậy, có thể hiểu một cách đơn giản là quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong các công ty trách nhiệm hữu hạn ở Đức được thể hiện thông qua quyền và nghĩa vụ của Giám đốc và các cổ đông (nếu công ty không có Giám đốc).

Theo phân tích chế định đại diện trong pháp luật dân sự và pháp luật doanh nghiệp ở trên, đại diện của DNTN hiện được quy định chung như đại diện của pháp nhân trong Bộ luật Dân sự 2015 bao gồm hình thức đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền. “Ý chí của các thành viên pháp nhân được thể hiện thống nhất thông qua người đại diện”⁸.

Khoản 3 Điều 190 Luật Doanh nghiệp 2020 có quy định chủ DNTN là người đại diện theo pháp

luật của DNTN: Chủ DNTN là người đại diện theo pháp luật, đại diện cho DNTN với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, đại diện cho DNTN thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Và có thể thấy đây là người đại diện theo pháp luật duy nhất của DNTN. Người đại diện của DNTN phải là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bên cạnh đó, người đại diện của DNTN phải nhân danh DNTN xác lập, thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện và vì lợi ích của doanh nghiệp khi thực hiện việc đại diện.

Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, việc coi DNTN là một loại hình doanh nghiệp là chưa thỏa đáng theo khái niệm về doanh nghiệp trong Luật Doanh nghiệp 2020.

Ngoài ra, do DNTN không có tư cách pháp nhân và tài sản không có sự tách bạch với tài sản của chủ DNTN nên DNTN không được coi là pháp nhân, và như vậy theo quan niệm của tác giả người đại diện theo pháp luật của DNTN chính là cá nhân chủ DNTN. Cá nhân chủ DNTN là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 đương nhiên không thể có người đại diện theo pháp luật được.

Như vậy, có thể thấy quy định người đại diện theo pháp luật của DNTN đang có mâu thuẫn lớn giữa Luật Doanh nghiệp 2020 và Bộ luật Dân sự 2015. Dưới góc độ phân tích DNTN là cá nhân kinh doanh nên theo quan điểm của tác giả chế định đại diện của DNTN nên xây dựng theo hướng là đại diện theo ủy quyền sẽ hợp lý hơn đại diện theo pháp luật như hiện nay.

4.2. Về hình thức đại diện của doanh nghiệp tư nhân

Hệ thống pháp luật Việt Nam theo trường phái luật Châu Âu lục địa nên thừa nhận hai hình thức đại diện là đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền, nội dung này được thể hiện rõ tại Điều 85 Bộ luật Dân sự 2015. Đại diện theo pháp luật là đại diện do pháp luật quy định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

Đối với pháp nhân, theo Khoản 1 Điều 137 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “người đại diện theo

pháp luật của pháp nhân bao gồm: người được pháp nhân chỉ định theo điều lệ; người có thẩm quyền đại diện theo quy định của pháp luật; hoặc người do Tòa án chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án”.

Còn theo Điều 136 Bộ luật Dân sự 2015: đại diện theo pháp luật của cá nhân là: Cha, mẹ đối với con chưa thành niên; Người giám hộ đối với người được giám hộ; Người giám hộ của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người đại diện theo pháp luật nếu được Tòa án chỉ định; Người do Tòa án chỉ định đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Như vậy, Bộ luật Dân sự quy định người đại diện theo pháp luật chỉ được áp dụng đối với trường hợp pháp nhân hoặc cá nhân chưa thành niên, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc là người bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự. Xét ở tất cả những đối tượng này thì rõ ràng DNTN không thuộc đối tượng nào để có thể áp dụng hình thức đại diện theo pháp luật.

Đối với đại diện theo ủy quyền là đại diện được xác lập theo sự ủy quyền giữa người đại diện và người được đại diện. Điều 138 BLDS 2015 quy định: *“Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân có thể thỏa thuận cử cá nhân, pháp nhân khác đại diện theo ủy quyền xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung của các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân”.*

Theo quy định này, DNTN là đối tượng “tổ chức khác không có tư cách pháp nhân”. Do đó, nếu căn cứ theo Luật Dân sự thì DNTN chỉ có một hình thức là đại diện theo ủy quyền.

Tuy nhiên, theo Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020, *“người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”.

Điều 14 cũng quy định *“người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật này”.*

Ngoài ra, Khoản 3 Điều 190 quy định: *“Chủ DNTN là người đại diện theo pháp luật, đại diện cho DNTN với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, đại diện cho DNTN thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”.*

Nhìn vào những quy định trên có thể nói Luật Doanh nghiệp thừa nhận cả hai hình thức đại diện đối với DNTN là đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền. Và như vậy rõ ràng, quy định về chế định đại diện của DNTN trong Luật Dân sự và luật doanh nghiệp hiện nay đang có sự mâu thuẫn.

Theo quan điểm của tác giả, xuất phát từ việc DNTN không có tư cách pháp nhân, không phải là pháp nhân thì mặc nhiên có thể xếp DNTN vào hình thức thể nhân với bản chất chủ DNTN là người chủ sở hữu duy nhất, có toàn quyền quyết định và điều hành hoạt động của DNTN. Việc đặt ra quy định đại diện theo pháp luật là không cần thiết trong trường hợp này theo quy định của Luật Dân sự. Vì vậy, chỉ cần quy định hình thức đại diện ủy quyền cho DNTN.

5. Kết luận

Việc xác định DNTN có phải là tổ chức, là doanh nghiệp không hay chỉ là cá nhân kinh doanh sẽ ảnh hưởng đến việc xác định các hình thức đại diện của DNTN và cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của DNTN trong đời sống pháp lý và thực tiễn. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích theo hướng cần xem DNTN là cá nhân kinh doanh và như vậy cần đưa DNTN ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, đồng thời xác định hình thức đại diện của DNTN là đại diện theo ủy quyền chứ không cần quy định về đại diện theo pháp luật để phù hợp với quy định chung về đại diện của Bộ luật Dân sự ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN:

- ¹ Viện Ngôn ngữ học, (1992). *Từ điển Tiếng Việt*. Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, tr.989.
- ² Ngô Huy Cương, (2013). *Giáo trình Luật Thương mại: Phần chung và Thương nhân*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.139-142.
- ³ Phạm Duy Nghĩa, (2002). *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.65.
- ⁴ Bùi Đức Giang, (2015). Hành lang pháp lý mới về người đại diện theo pháp luật của Luật Doanh nghiệp năm 2014. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 6/2015, tr.18.
- ⁵ AustLII. Luật Doanh nghiệp Úc 2001. Truy cập tại: <http://www6.austlii.edu.au>
- ⁶ Japanese Law Translation. Luật Công ty Nhật Bản 2005. Truy cập tại: <http://www.japaneselawtranslation.go.jp>.
- ⁷ Luật Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức 2016. Truy cập tại: <http://www.gesetze-im-internet.de>.
- ⁸ Hoàng Thế Liên, (2010). *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự*. NXB Chính trị Quốc gia, tr.234.

Ngày nhận bài: 7/1/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/1/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 18/2/2022

Thông tin tác giả:

TRẦN THỊ LÊ THU

Khoa Luật

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh

ANALYSIS OF REGULATIONS ON REPRESENTATIVES OF PRIVATE ENTERPRISES

● TRAN THI LE THU

Faculty of Law

Ho Chi Minh University of Economics and Law

ABSTRACT:

Although a private enterprise is considered a type of enterprise without legal status, the legal representative of a private enterprise is regulated similarly to other types of enterprises with legal status, according to Article 12 of the Enterprise Law 2020. The article focuses on researching and analyzing the inadequacies in the contents related to the representative of a private enterprise under current legal regulations.

Keywords: private companies, representatives of private companies.